TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13/4/2022
V/v Ly hôn giữa bà A và ông S

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

2. Nguyễn Lê Thu.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Vương Thanh Ngọc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/11/2021 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1968; địa chỉ: chung cư L, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bà A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1964; địa chỉ: chung cư L, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông S vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc A trình bày:

Bà A và ông Phạm Văn S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32/93, quyển số 01, đăng ký ngày 14/9/1993.

Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên là Phạm Hoàng V, sinh ngày 18/01/1995 con đã thành niên và Phạm Nhật D, sinh ngày 24/6/2006.

Trong quá trình chung sống với nhau, bà A và ông S xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do hai bên không hợp tính tình, bất đồng quan điểm nhiều mặt trong cuộc sống nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Bà A cho rằng ông S không quan tâm đến cảm xúc, tình cảm của vợ, không để tâm vun vén, chăm lo hạnh phúc gia đình. Về kinh tế gia đình ông S cũng không chia sẻ, phụ giúp bà A, không để dành, tích cóp cho tương lai. Bà A và ông S đã sống ly thân gần 05 năm, vợ chồng không còn sự quan tâm, tin tưởng và tôn trọng nhau. Bà A nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông S để bà ổn định cuộc sống.

Về con chung: Con lớn tên là Phạm Hoàng V, sinh ngày 18/01/1995, cháu đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Phạm Nhật D, sinh ngày 24/6/2006. Bà A không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà A và ông S tự thỏa thuận với nhau, bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Bà A khai không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Ngọc A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong Đơn khởi kiện đã nêu và ý kiến bà đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ kiện tại Tòa án.

Về phía bị đơn: Ông Phạm Văn S hiện đang tạm trú tại địa chỉ số chung cư L, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Toà án nhân dân Quận 11 đã thực hiện thủ tục tống đạt trực tiếp, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông S nhưng ông S không đến Toà án giải quyết. Do đó, Toà án không thể tiến hành lấy lời khai, hoà giải đối với bị đơn được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chưa đảm bảo thời hạn tống đạt thông báo thụ lý cho bị đơn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình chung sống bà A và ông S thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và tính cách không hợp. Ông S không quan tâm, chia sẻ, phụ giúp bà A, vợ chồng không còn sự yêu thương và đã ly thân gần 05 năm. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà A và ông S là trầm trọng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu xin ly hôn của bà A có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ngọc A; giao trẻ Phạm Nhật Duy, sinh ngày 24/6/2006 cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà A không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Không có. Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Nguyễn Ngọc A có đơn yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn S, theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn và tại Kết quả xác minh của Công an Phường 5, Quận 11 thì ông Phạm Văn S có đăng ký tạm trú tại Quận 11. Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Nguyễn Ngọc A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Phạm Văn S vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho ông S nhưng ông S đều vắng mặt, không đến Tòa giải quyết. Ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Ngọc A và ông Phạm Văn S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32/93, quyển số 01, đăng ký ngày 14/9/1993. Quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông S là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Mâu thuẫn giữa bà A và ông S phát sinh nguyên nhân chính là do cả hai bất đồng quan điểm nhiều mặt trong cuộc sống mà không thể giải quyết được. Ông S không quan tâm đến tình cảm của bà A, không để tâm vun vén, chăm lo hạnh phúc gia đình. Về kinh tế, ông S cũng không chia sẻ, phụ giúp bà A, không để dành, tích cóp cho gia đình. Bà A đã cố gắng khuyên nhủ để ông S thay đổi nhưng không có kết quả, cả hai ông bà đã sống ly thân gần 05 năm. Bà A nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn nên bà xin ly hôn với ông S.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông S. Ông S biết nội dung khởi kiện và yêu cầu của bà A nhưng trong suốt quá trình Tòa án thụ lý đến phiên tòa hôm nay ông S đều không đến Tòa để giải quyết. Điều đó cho thấy ông S cũng không có thiện chí muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Qua sự việc đã nêu thể hiện tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông S đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc A.

[4] *Về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung:* Bà A và ông S chung sống với nhau có 02 con chung tên là Phạm Hoàng V, sinh ngày 18/01/1995 (đã thành niên)

và Phạm Nhật D, sinh ngày 24/6/2006. Đương sự Phạm Hoàng V đã thành niên nên Tòa án không đề cập giải quyết việc nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay trẻ Phạm Nhật D đang ở cùng với bà A, do bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Tại Bản tự khai lập tại Tòa án thể hiện nguyện vọng của trẻ Duy nếu cha, mẹ ly hôn thì cháu cũng muốn ở cùng với bà A. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết giao trẻ Duy cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà A về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Phạm Nhật D. Ghi nhận sự tự nguyện của bà A không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Ông Phạm Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A tự thỏa thuận với ông S về việc phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung bà A khai không có. Ghi nhận lời khai của bà A xác định bà và ông S tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tài sản chung và không có nợ chung. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 71, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc A. Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Ngọc A và ông Phạm Văn S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 32/93, quyển số 01, đăng ký ngày 14/9/1993 do Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung:

Giao trẻ tên Phạm Nhật D, sinh ngày 24/6/2006 cho bà Nguyễn Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà A không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Ông Phạm Văn S được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở ông S thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà A và ông S tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0019542 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; Bà A đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Phúc

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 13 tháng 4 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Thư;

2. Bà Nguyễn Lê Thu.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 266/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn" giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1968; địa chỉ: 206 lô F, chung cư Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1964; địa chỉ: 221 lô E, chung cư Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu,chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc A. Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Ngọc A và ông Phạm Văn S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 32/93, quyển số 01, đăng ký ngày 14/9/1993 do Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

2. Về nuôi con chung:

Giao trẻ tên Phạm Nhật Duy, sinh ngày 24/6/2006 cho bà Nguyễn Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà A không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Ông Phạm Văn S được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở ông S thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

3. Về tài sản chung: Bà A và ông S tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

4. Về nợ chung: Không có.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0019542 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; Bà A đã nộp đủ án phí.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

7. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 20 phút, ngày 13 tháng 4 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phúc